

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



NGUYỄN TRƯỜNG NHÂN

**PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Cao Đình Lành**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Những đóng góp của luận văn	5
7. Kết cấu luận văn	5
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP	5
1.1. Khái quát về mua bán doanh nghiệp	5
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm về mua bán doanh nghiệp	5
1.1.2. Các hình thức mua bán doanh nghiệp	6
1.1.3. Vai trò của hoạt động mua bán doanh nghiệp	7
1.2. Khái quát pháp luật về mua bán doanh nghiệp	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về mua bán doanh nghiệp	7
1.2.2. Pháp luật điều chỉnh về mua bán doanh nghiệp	8
1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về mua bán doanh nghiệp	8
1.3. Pháp luật về mua bán doanh nghiệp của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam	9
1.3.1. Pháp luật về mua bán doanh nghiệp của một số nước trên thế giới	9
1.3.2. Gợi mở cho Việt Nam	10
Tiêu kết Chương 1	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM	11
2.1. Thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam	11
2.1.1. Quy định về chủ thể mua bán doanh nghiệp	11
2.1.2. Quy định về hợp đồng mua bán doanh nghiệp	12
2.1.3. Quy định về thủ tục mua bán doanh nghiệp	15
2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam	18
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.	19
2.2.1. Những kết quả đạt được	19
2.2.2. Những tồn tại, vướng mắc	20
Tiêu kết Chương 2	21
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM.	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam	21
3.1.1. Xây dựng quan niệm thống nhất về mua bán doanh nghiệp	21
3.1.2. Xây dựng, ban hành văn bản pháp luật riêng về mua bán doanh nghiệp để điều chỉnh mối quan hệ trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp	21

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp phải trên cơ sở đổi mới tư duy quản lý nhà nước và đảm bảo sự công bằng, tiến bộ xã hội	22
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.....	22
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.....	22
3.2.1. Giải pháp chung.....	22
3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể.....	22
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam	24
Tiêu kết Chương 3	25
KẾT LUẬN	26
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với chủ trương hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, Việt Nam đã nghiên cứu và ban hành khuôn khổ pháp lý rộng mở, thúc đẩy các cơ hội đầu tư thông qua hoạt động mua bán doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai các quy định về mua bán của các doanh nghiệp còn gặp khá nhiều vướng mắc, nhất là khi Việt Nam triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về mua bán doanh nghiệp. Bài viết phân tích, đề cập sâu hơn về những vướng mắc trong thực hiện các quy định về mua bán hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao ưu thế trong thực hiện các cam kết quốc tế về mua bán doanh nghiệp. Trên thế giới, hoạt động mua bán doanh nghiệp diễn ra rất sôi động, nhưng ở Việt Nam, hoạt động này mới chỉ xuất hiện từ những năm 1990 và bắt đầu diễn ra mạnh mẽ kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Việt Nam là thành viên của WTO cùng với nhiều rào cản được dỡ bỏ, đã tạo cơ hội cho các nhà đầu tư (nhà đầu tư) và các công ty đa quốc gia tăng cường hoạt động mua bán tại Việt Nam. Các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường hàng hoá và dịch vụ trong khuôn khổ các hiệp định song phương, đa phương trong khu vực và thế giới thời gian gần đây cũng là những nhân tố tích cực góp phần thúc đẩy hoạt động mua bán này. Mặc dù, xu hướng mua bán đã hình thành và phát triển ở Việt Nam, tuy nhiên, các nhà đầu tư (nhà đầu tư) nước ngoài còn ngần ngại tham gia mua bán tại Việt Nam bởi khung pháp lý còn chưa đầy đủ, nhiều vấn đề vướng mắc trong thực hiện các cam kết quốc tế về mua bán doanh nghiệp.

Mua bán doanh nghiệp được thực hiện thông qua hình thức hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Đây là một hình thức đầu tư còn khá mới mẻ với thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường này phát triển khá sôi động và thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua các hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO đang mở ra cơ hội hội nhập vào thị trường toàn cầu và tạo bước phát triển đột phá. Với những lợi thế kể trên, hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển và có khả năng đem lại những tín hiệu tốt cho nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, lĩnh vực này đang thiếu một khung pháp lý cho hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cũng như khung pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Những vấn đề quan trọng liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên, vấn đề định giá doanh nghiệp, vấn đề bảo mật thông tin, vấn đề thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan... hiện vẫn chưa được pháp luật quy định cụ thể và đang gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Mua bán doanh nghiệp là một lĩnh vực còn mới mẻ với nhiều doanh nghiệp Việt Nam nên pháp luật phải đóng vai trò định hướng cho các bên thực hiện giao dịch cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch mua bán doanh nghiệp.

Dưới góc độ pháp lý, mua bán là một hoạt động đầu tư phức tạp, liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau như pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật cạnh tranh... Chỉ rõ các quy định pháp lý áp dụng cho hoạt động mua bán ở Việt Nam và các cam kết quốc tế liên quan tới mua bán doanh nghiệp. Đến nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều hiệp định về đầu tư hoặc liên quan đến đầu tư như: Các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư ký kết với trên 50 nước; các hiệp định/chương đầu tư trong khuôn khổ FTA; các cam kết khác liên quan đến đầu tư như: Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các hiệp định về dịch vụ trong WTO và các FTA, hiệp định thành lập tổ chức bảo đảm

đầu tư đa phương, Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài... Các FTA có cam kết về đầu tư mà Việt Nam không liên quan nhiều đến việc Mua bán doanh nghiệp. Việc tham gia góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài vào doanh nghiệp Việt Nam theo Hiệp định này được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Hoạt động mua bán tại Việt Nam được quy định chủ yếu tại Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật Cảnh tranh năm 2018, Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020 và phù hợp với các cam kết quốc tế liên quan đến hoạt động mua bán mà Việt Nam là thành viên. Do tính chất phức tạp của mua bán mà pháp luật về mua bán không chỉ điều chỉnh các vấn đề về sở hữu hay quản trị doanh nghiệp mục tiêu, mà còn đề cập đến các vấn đề liên quan như: đăng ký thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp, đăng ký về thủ tục mua bán doanh nghiệp, các nghĩa vụ về thuế, xác định giá trị doanh nghiệp mục tiêu, pháp luật cạnh tranh để kiểm soát hoạt động mua bán doanh nghiệp.

Nhìn chung, các hiệp định, cam kết của Việt Nam liên quan đến hoạt động mua bán thể hiện dưới hình thức tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam, hoặc được thể hiện dưới dạng cam kết cho phép các nhà đầu tư nước ngoài hiện diện thương mại, thâm nhập trong các ngành, lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam.

Chính vì lý do đó nên tác giả lựa chọn đề tài "***Pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam***" để thực hiện nghiên cứu trong nội dung của luận văn luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam, vấn đề pháp lý về mua bán doanh nghiệp là nội dung quan trọng trong các hoạt động liên quan đến doanh nghiệp. Hiện nay, có những công trình trong nước nghiên cứu về các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật về mua bán doanh nghiệp như sau:

Trần Tấn Tài (2018), "*Pháp luật về mua bán doanh nghiệp*", Luận văn thạc sĩ luật kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Luận văn nghiên cứu các quy định trong các luật liên quan như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán, Luật cạnh tranh, Luật thuế, Luật sở hữu trí tuệ, Luật đất đai... Trong luận văn này, ngoài các quy định chung về mua bán doanh nghiệp và pháp luật mua bán doanh nghiệp, tác giả còn nêu kinh nghiệm pháp luật về mua bán doanh nghiệp của một số nước phát triển như: Hoa Kỳ, Đức và Úc để có thể tham khảo và vận dụng thực hiện ở Việt Nam. Luận văn nêu ra những quy định còn bất cập trong thương vụ mua bán doanh nghiệp thường xảy ra ở Luật cạnh tranh về thị phần, các cơ quan quản lý cạnh tranh; các bất cập về thuế trong mua bán doanh nghiệp; các vấn đề về minh bạch hóa tài chính, thông tin doanh nghiệp; về bảo vệ cổ đông, cổ đông thiểu số và người lao động, hay các vấn đề còn trực tiếp pháp lý đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện thương vụ mua bán doanh nghiệp diễn ra tại Việt Nam. Từ phân tích bất cập ở trên, tác giả đưa ra những góp ý và một số giải pháp tương ứng phù hợp nhằm phát triển thị trường mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam.

Phan Thị Huyền (2017), "*Pháp luật về hoạt động mua bán doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài: kinh nghiệm nước ngoài và gợi ý cho Việt Nam*", Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu quy định pháp luật Việt Nam về mua bán doanh nghiệp nói chung và quy định cụ thể về mua bán doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Qua đó, luận văn so sánh đối chiếu với pháp luật của một số nước trên thế giới trong việc quy định về mua bán doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở pháp luật Việt Nam hiện hành và pháp luật nước ngoài rút kinh

nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động mua bán doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

Phạm Minh Sơn (2016), “*Pháp luật về mua lại và sáp nhập ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ luật kinh tế, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Luận án phân tích nghiên cứu xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động mua lại, sáp nhập ngân hàng thương mại và đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua lại, sáp nhập ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Luận án đánh giá được tổng quan tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, từ đó xác định được những nội dung còn bỏ ngỏ, còn tranh luận để đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài luận án. Nghiên cứu, phân tích, làm rõ và sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận cơ bản về mua lại, sáp nhập ngân hàng thương mại và pháp luật về mua lại, sáp nhập ngân hàng thương mại; xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động mua lại, sáp nhập ngân hàng thương mại.

Trần Thị Bảo Ánh (2014), “*Pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn nghiên cứu hoạt động mua bán doanh nghiệp dưới góc độ pháp lý và xây dựng một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam. Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về mua bán doanh nghiệp: quan niệm, đặc trưng pháp lý của mua bán doanh nghiệp; ảnh hưởng của mua bán doanh nghiệp đến nền kinh tế- xã hội và nghiên cứu nội dung pháp luật về mua bán doanh nghiệp. Luận án phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp trong quan hệ so sánh với pháp luật của một số nước trên thế giới. Luận án chỉ ra những tồn tại, những khoảng trống pháp lý về chủ thể mua bán doanh nghiệp, hợp đồng mua bán doanh nghiệp, thủ tục mua bán doanh nghiệp và cách thức kiểm soát mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.

Tuy vậy, mỗi công trình nghiên cứu là một sự khai thác, đánh giá các khía cạnh khác nhau, nhìn nhận vấn đề dưới các góc độ khác nhau.

Với công trình của mình, tác giả sẽ tiếp cận vấn đề một cách tổng quan về lý luận cũng như thực tiễn mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam trong những năm gần đây. Qua đó, đánh giá một cách cụ thể hơn những kết quả đã đạt được về công tác bảo hộ trong thời gian vừa qua và những giải pháp đưa ra sẽ là cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới. Do đó, công trình sẽ không phải là sự lặp lại của bất kỳ công trình nào trước đó.

Luận văn được thực hiện trên cơ sở tiếp thu và kế thừa các nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu về pháp luật mua bán doanh nghiệp. Luận văn kế thừa nền tảng lý luận pháp luật về mua bán doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích thực trạng các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành để tìm ra những bất cập, nguyên nhân của những bất cập nhằm tới việc kiến nghị hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này cả về phương diện lập pháp, tư pháp và thực hành. Luận văn tiếp tục nghiên cứu sâu về các quy định pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam. Từ đó, luận văn tiếp tục đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp trên cơ sở luận giải từ việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng liên quan đến vấn đề này ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên thì yêu cầu đề tài phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật như khái niệm mua bán doanh nghiệp, khái quát pháp luật về mua bán doanh nghiệp.
- Đánh giá được thực trạng của pháp luật Việt Nam về mua bán doanh nghiệp; qua đó tìm ra các ưu điểm và hạn chế để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong việc thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Đánh giá thực trạng mua bán doanh nghiệp ở nước ta trong thời gian qua và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp 2020 trong thời gian tới;
- Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về mua bán doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam.

- Pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Thực tiễn thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Một số vấn đề lý luận pháp luật về mua bán doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung:

Luận văn nghiên cứu pháp luật Việt Nam về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam.

- Về không gian: cả nước.

- Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2014 đến 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý kinh tế và quan điểm của Đảng, Nhà nước về quản lý thành phần kinh tế, trong đó có mua bán doanh nghiệp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu được sử dụng trong toàn bộ luận văn.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật. Qua nghiên cứu, chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật, được sử dụng ở Chương 2 luận văn.

- Phương pháp hệ thống hóa pháp luật: sử dụng hệ thống các văn bản pháp luật về mua bán doanh nghiệp được sử dụng chủ yếu ở Chương 1 và Chương 2 luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê, phương pháp bình luận,...

6. Những đóng góp của luận văn

6.1. Về lý luận

- Luận văn đã xây dựng một số khái niệm, đặc điểm, pháp luật điều chỉnh về mua bán doanh nghiệp.

- Đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

6.2. Về thực tiễn

- Luận văn đánh giá các quy định pháp luật hiện hành, nghiên cứu thực tiễn áp dụng, chỉ ra những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

Những đóng góp của luận văn là cơ sở cho các cơ quan áp dụng pháp luật, cơ quan nghiên cứu và cơ quan xây dựng pháp luật tham khảo trên thực tiễn.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo. Nội dung đề tài gồm 3 chương sau:

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về mua bán doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm về mua bán doanh nghiệp

Mua bán doanh nghiệp là một hiện tượng phổ biến và tất yếu trong nền kinh tế thị trường vì các doanh nghiệp luôn luôn mong muốn tăng cường năng lực cạnh tranh để chiếm lĩnh thị phần và củng cố quyền lực cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp nhỏ đứng trước năng lực cạnh tranh như vũ bão của các doanh nghiệp lớn, họ luôn có xu hướng bắt tay với nhau nhằm nâng cao vị thế thị trường trong tương quan so sánh với các doanh nghiệp lớn hoặc nương tựa vào các doanh nghiệp lớn để giảm bớt sức ép của đối thủ cạnh tranh. Một trong những cách đơn giản và hữu hiệu nhất đó chính là thỏa thuận nhằm đạt đến khả năng kiểm soát và chi phối hoạt động kinh doanh của nhau, bằng cách này, quy mô và năng lực thị trường của các doanh nghiệp ngay lập tức được củng cố và mở rộng. Đối với các doanh nghiệp lớn, khi đã đạt được quyền lực cạnh tranh trên thị trường và đứng trước hiện tượng “quy hợp” lại với nhau của các doanh nghiệp nhỏ, bản thân các doanh nghiệp lớn luôn phải tìm cách giữ vững và tăng cường năng lực cạnh tranh. Như một tất yếu, để các doanh nghiệp giảm bớt mối lo mất thị phần là mở rộng quy mô kinh doanh hoặc tăng cường khả năng chi phối trong việc quản trị điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khác, đặc biệt là các doanh nghiệp vốn là đối thủ cạnh tranh.

Như vậy, xem xét từ khía cạnh bản chất mua bán doanh nghiệp thì tất cả các hình thức, cách thức mua tài sản, mua nợ, nhận chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần...dẫn đến hệ quả là một bên kiểm soát hay chi phối được hoạt động kinh doanh

của doanh nghiệp khác thì hiện tượng đó được coi là mua bán doanh nghiệp. Tuy nhiên, như đã đề cập trong phạm vi nghiên cứu của luận án thì tác giả luận án chỉ tập trung nghiên cứu một trong những hoạt động mua bán doanh nghiệp trong mối liên hệ và phù hợp với khái niệm “doanh nghiệp” tại Việt Nam. Vì vậy, quan niệm về mua bán doanh nghiệp được trình bày trong luận án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

Một là, tiêu chí đầu tiên cần phải làm rõ khi xây dựng quan niệm hoặc khái niệm về mua bán doanh nghiệp là việc chủ sở hữu doanh nghiệp sẽ chuyển quyền sở hữu doanh nghiệp cho bên mua theo những cách thức nào? Tiêu chí này nhằm phân biệt giữa mua bán doanh nghiệp và mua bán tài sản của doanh nghiệp, phân biệt giữa mua bán doanh nghiệp với các hình thức đầu tư góp vốn vào vốn điều lệ của doanh nghiệp với tính chất là đầu tư tài chính.

Hai là, cần phải làm rõ khi xây dựng quan niệm về mua bán doanh nghiệp: xác định hệ quả mua bán doanh nghiệp là bên mua phải đạt được khả năng kiểm soát hoặc chi phối được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mục tiêu thông qua việc bên mua nhận chuyển nhượng phần vốn của chủ sở hữu doanh nghiệp mục tiêu. Tỷ lệ phần vốn nhận chuyển nhượng phải đạt đến khả năng đủ để kiểm soát được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mục tiêu (gọi là phần vốn góp/cổ phần chi phối). Pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp sẽ quy định về tỷ lệ vốn chi phối có quyền biểu quyết thông qua các vấn đề quan trọng của doanh nghiệp. Tiêu chí thứ hai để phân biệt giữa các trường hợp mua bán doanh nghiệp với hình thức đầu tư tài chính mua bán phần vốn góp, cổ phần mà bên mua lại phần vốn góp, cổ phần không tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp.

Từ các tiêu chí nhận diện mua bán doanh nghiệp đã phân tích, khái niệm mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam là *mua bán doanh nghiệp là việc chủ sở hữu doanh nghiệp chuyển nhượng toàn bộ vốn hoặc chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần chi phối cho bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng có quyền sở hữu toàn bộ hoặc một phần doanh nghiệp và kiểm soát được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được mua lại.*

1.1.2. Các hình thức mua bán doanh nghiệp

1.1.2.1. Mua bán toàn bộ doanh nghiệp

Một là, bên bán doanh nghiệp phải là chủ sở hữu doanh nghiệp. Chủ sở hữu doanh nghiệp là các thành viên, cổ đông công ty, chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, chủ doanh nghiệp tư nhân. Bên mua doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của các thành viên, nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ của chủ sở hữu công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của cổ đông công ty, mua toàn bộ vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

Hai là, quan hệ chuyển nhượng vốn giữa chủ sở hữu doanh nghiệp và bên nhận chuyển nhượng được ghi nhận bằng hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần; quan hệ mua bán doanh nghiệp tư nhân, công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thể hiện qua hình thức hợp đồng mua bán doanh nghiệp tư nhân, hợp đồng mua bán công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Ba là, đối tượng mua bán trong các thương vụ mua bán doanh nghiệp là doanh nghiệp. Các quy định của pháp luật hiện hành ở Việt Nam xác định doanh nghiệp là chủ thể pháp lý độc lập và mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số thuế gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số doanh nghiệp tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực và không được sử dụng lại.

Bốn là, bên nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, toàn bộ vốn điều lệ hoặc mua doanh nghiệp tư nhân phải đăng ký thay đổi thành viên, đăng ký thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

1.2.2.2. Mua bán một phần doanh nghiệp

Một là, đối tượng mua bán một phần doanh nghiệp không phải là toàn bộ doanh nghiệp mà chỉ là một phần doanh nghiệp. Bên mua mua một phần doanh nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp chi phối của chủ sở hữu doanh nghiệp mục tiêu. Khác với mua bán toàn bộ doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp không hoàn toàn từ bỏ tư cách chủ sở hữu đối với doanh nghiệp mục tiêu mà vẫn là đồng chủ sở hữu doanh nghiệp cùng với các chủ sở hữu mới là bên nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp.

Hai là, chỉ được coi là mua một phần doanh nghiệp nếu bên nhận chuyển nhượng nhận chuyển nhượng phần vốn góp đến một tỉ lệ gọi là tỉ lệ phần vốn góp chi phối.

Ba là, bên nhận chuyển nhượng tỉ lệ phần vốn góp chi phối có quyền kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp mục tiêu. Kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp mục tiêu được hiểu là chủ sở hữu phần vốn chi phối tham gia vào bộ máy quản trị của doanh nghiệp và có sự phiếu biểu quyết đủ để quyết định những vấn đề quan trọng nhất về tài chính, kinh doanh, nhân sự... của doanh nghiệp mục tiêu. Đặc điểm này phân biệt mua bán doanh nghiệp với những trường hợp bên nhận chuyển nhượng phần vốn góp không tham gia quản trị và kiểm soát doanh nghiệp mục tiêu, đó chỉ là hình thức đầu tư tài chính mà không phải là mua bán doanh nghiệp.

1.1.3. Vai trò của hoạt động mua bán doanh nghiệp

Mua bán doanh nghiệp nói chung và mua bán doanh nghiệp nói riêng có những ảnh hưởng khác nhau như sau:

Đối với các bên mua và bên bán doanh nghiệp, xét ở khía cạnh kinh tế, mua bán doanh nghiệp tác động tích cực đến việc gia tăng lợi ích kinh tế thu được từ việc thực hiện các thương vụ mua bán doanh nghiệp. Đặc điểm này cũng phù hợp với nguyên tắc cơ bản của mua bán doanh nghiệp nói chung và mua bán doanh nghiệp nói riêng, đó là phải tạo ra những giá trị mới cho các cổ đông mà việc duy trì tình trạng cũ không đạt được vì ở góc độ kinh tế, động cơ của việc mua lại doanh nghiệp là để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Khái quát pháp luật về mua bán doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm pháp luật về mua bán doanh nghiệp

Pháp luật mua bán doanh nghiệp là tổng hợp các quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các bên tiến hành hoạt động mua bán doanh nghiệp. Mua bán doanh nghiệp ở Mỹ chịu sự điều tiết chung ảnh hưởng đến tất cả các thương vụ mua bán doanh nghiệp và những vấn đề điều tiết trong từng ngành, chỉ ảnh hưởng đến một vài loại giao dịch trong những ngành nhất định. Các yếu tố điều tiết chung bao gồm những vấn đề chống độc quyền, môi trường, chứng khoán, các vấn đề phúc lợi nhân viên. Những vấn đề điều tiết của từng ngành sẽ do những người quản lý liên bang có thể chấp thuận đối với những giao dịch liên quan đến việc thay đổi sở hữu hay kiểm soát, hay những giao dịch có thể ảnh hưởng phi cạnh tranh đến ngành. Tất cả các giao dịch trong ngành truyền thông, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm, dịch vụ công, vận tải, viễn thông, dịch vụ tài chính và thậm chí cả quốc phòng nên được các cố vấn phân tích cẩn thận để quyết định cần có sự chấp thuận của chính phủ ở mức độ nào để có thể tiến hành giao dịch. Các công ty nhỏ chịu sự điều chỉnh của luật pháp địa phương. Các quy định kiểm soát các công ty tư nhân được đánh giá là tương đối minh bạch. Phần lớn các ngành hoặc

các lĩnh vực kinh doanh ở Mỹ và ở đa phần các quốc gia khác đều chịu sự chi phối của một số quy định và cơ quan điều chỉnh cụ thể của ngành.

1.2.2. Pháp luật điều chỉnh về mua bán doanh nghiệp

Pháp luật về mua bán doanh nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm các quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp mối quan hệ giữa các bên tham gia thương vụ mua bán doanh nghiệp. Cụ thể, pháp luật về mua bán doanh nghiệp theo nghĩa hẹp với nội hàm: quy định về các hình thức mua bán doanh nghiệp; quy định về chủ thể với vai trò là bên bán, bên mua doanh nghiệp; quy định về hợp đồng mua bán doanh nghiệp; quy định về thủ tục mua bán doanh nghiệp; quy định về kiểm soát doanh nghiệp dưới góc độ của pháp luật cạnh tranh. Ở Việt Nam, pháp luật về hoạt động mua bán được quy định tại các văn bản luật như: Luật doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng (TCTD). Cấu trúc pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam được thể hiện như sau:

Bộ luật Dân dân sự quy định những nguyên tắc cơ bản trong về ký kết hợp đồng nói chung; Luật Doanh nghiệp 2020 và các nghị định hướng dẫn thi hành quy định về chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần, mua bán doanh nghiệp tư nhân; quy định về cách thức quản trị doanh nghiệp, thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp. Pháp luật doanh nghiệp điều chỉnh doanh nghiệp theo cách thức: ghi nhận và tạo khung khổ pháp lý thuận lợi để các chủ thể thực hiện quyền tự do mua bán doanh nghiệp trên thị trường mua bán doanh nghiệp. Cụ thể Luật doanh nghiệp 2020 chỉ dừng lại ở mức độ hướng dẫn về trình tự, thủ tục sáp nhập, hợp nhất. Luật doanh nghiệp xem xét mua bán như cách để doanh nghiệp tiến hành tổ chức, cơ cấu lại doanh nghiệp xuất phát từ nhu cầu tự thân của doanh nghiệp.

Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Luật Đầu tư số 61/2014/QH14 ngày 17/6/2020 đều quy định mua bán như là một trong những hình thức đầu tư trực tiếp và không quy định cụ thể, rõ ràng về thủ tục đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thương vụ mua bán doanh nghiệp.

Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/22/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và có hiệu lực từ ngày 15/01/2018 quy định về việc chia tách, hợp nhất các TCTD phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Pháp luật chứng khoán điều chỉnh mua bán doanh nghiệp thông qua hoạt động mua bán cổ phiếu ra công chúng. Quy định về bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các quy định cụ thể của các ngành về mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài mua lại doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam được áp dụng điều chỉnh đối với khu vực doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và trường hợp bên mua doanh nghiệp là nhà đầu tư nước ngoài.

1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về mua bán doanh nghiệp

Pháp luật về mua bán doanh nghiệp (theo nghĩa hẹp) phải đáp ứng vai trò là điều kiện khung pháp lý để thương vụ mua bán doanh nghiệp được diễn ra trên thực tế. Theo đó, pháp luật về mua bán doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung:

1.2.3.1. Nhóm quy định về chủ thể mua bán doanh nghiệp

Chủ thể mua bán doanh nghiệp gồm bên bán doanh nghiệp là chủ sở hữu doanh nghiệp và bên mua là tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua doanh nghiệp. Quy định pháp luật về chủ thể mua doanh nghiệp là cơ sở pháp lý giúp các bên có nhu cầu mua doanh nghiệp xem xét họ có được quyền mua doanh nghiệp không để hạn chế việc đầu tư không khả thi. Mặt khác, quy định pháp luật về chủ thể mua bán doanh nghiệp chính là một trong căn cứ để xem xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

Quy định về chủ thể bán doanh nghiệp: Về nguyên tắc, chủ sở hữu doanh nghiệp có quyền bán doanh nghiệp. Riêng đối với các doanh nghiệp nhà nước, do đặc thù chủ sở hữu là Nhà nước, một chủ thể đặc biệt nên xác định cơ quan, tổ chức nào đại diện cho bên bán doanh nghiệp Nhà nước phải được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp luật. Quy định về chủ thể có quyền mua doanh nghiệp: Chủ thể mua lại doanh nghiệp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua doanh nghiệp và đáp ứng các điều kiện về tư cách chủ thể mua doanh nghiệp.

1.2.3.2. Nhóm quy định về hợp đồng mua bán doanh nghiệp

Hợp đồng mua bán doanh nghiệp là một trong những điều kiện tiên quyết để hình thành thương vụ mua bán doanh nghiệp. Quan niệm về mua bán doanh nghiệp ở các nước có thể khác nhau vì vậy hợp đồng mua bán doanh nghiệp có thể tồn tại dưới những tên gọi khác nhau như hợp đồng mua bán tài sản; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (tỷ lệ chi phối); hợp đồng mua bán doanh nghiệp doanh nghiệp tư nhân; hợp đồng mua bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

1.2.3.3. Nhóm quy định về thủ tục mua bán doanh nghiệp

Mua bán doanh nghiệp là một dạng của mua bán tài sản được thực hiện thông qua hợp đồng, do vậy, về nguyên tắc các bên được tự do thỏa thuận, tự do mua bán. Tuy nhiên, nếu thỏa thuận mua bán doanh nghiệp đó dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến giảm bớt, sai lệch hoặc triệt tiêu cạnh tranh thì sẽ bị kiểm soát.

Thứ nhất, các quốc gia đều quan tâm tới tác động của mua bán doanh nghiệp tới trật tự cạnh tranh trên thương trường, vì vậy, kiểm soát mua bán doanh nghiệp là một nhiệm vụ quan trọng của pháp luật cạnh tranh. Từ góc độ cạnh tranh, mua bán doanh nghiệp được hiểu như hành vi tập trung kinh tế gắn với quá trình mà số lượng các doanh nghiệp độc lập cạnh tranh trên thị trường bị giảm đi. Bản chất của mua bán doanh nghiệp và các hình thức tập trung kinh tế khác là tăng thêm tư bản do hợp nhất nhiều tư bản lại. Việc hợp nhất các tư bản có thể dẫn đến phá vỡ cấu trúc cạnh tranh trên thị trường và cần phải được Nhà nước kiểm soát thông qua chính sách, pháp luật cạnh tranh.

Pháp luật cạnh tranh kiểm soát mua bán doanh nghiệp và các hành vi tập trung kinh tế khác (gọi chung là tập trung kinh tế) theo chế độ tiền kiểm hoặc chế độ hậu kiểm. Tiền kiểm là việc các bên tham gia tập trung kinh tế phải thông báo dự án tập trung kinh tế hoặc hoạt động tập trung kinh tế trước khi thực hiện, có nghĩa là việc kiểm soát của các cơ quan quản lý cạnh tranh được thực hiện trước khi các doanh nghiệp tiến hành tập trung kinh tế. Ngược lại, hậu kiểm là việc cơ quan quản lý cạnh tranh xem xét vụ tập trung kinh tế sau khi các bên đã thực hiện tập trung kinh tế. Hậu kiểm khác với việc các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý trên cơ sở có đơn khiếu nại hoặc do cơ quan quản lý nhà nước phát hiện.

1.3. Pháp luật về mua bán doanh nghiệp của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Pháp luật về mua bán doanh nghiệp của một số nước trên thế giới

Hai thuật ngữ *Mergers* và *Acquisitions* khi đề cập mang ý nghĩa và cách thức tiến hành hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên, trên thế giới vẫn thường sử dụng hai thuật ngữ này trong một cụm từ mua bán vì trong nhiều trường hợp, mua lại sẽ dẫn đến kết quả cuối cùng là sự sáp nhập của một doanh nghiệp vào một doanh nghiệp khác.

Với cách tiếp cận như vậy, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều chủ yếu quan tâm đến mục đích của hợp đồng mua bán doanh nghiệp là khả năng chi phối và kiểm soát doanh nghiệp bị mua bán. Khi đề cập đến mua bán doanh nghiệp, một số nước

thường sử dụng các cụm từ Mergers and Acquisitions, Takeovers, Buyouts để chỉ về các hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Cách dịch các từ trên sang tiếng Việt có sự khác nhau: Mergers được dịch là sáp nhập hoặc hợp nhất; Acquisitions được dịch là mua bán hoặc mua lại; Takeovers, Buyouts dịch sang tiếng Việt có nghĩa là thôn tóm, mua lại. Khái niệm mua bán doanh nghiệp ở một số nước được tiếp cận dưới các góc độ không giống nhau, do đó, hình thức.

1.3.2. Gợi mở cho Việt Nam

1.3.2.1. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ

Sự hoàn chỉnh trong khung pháp lý về hoạt động Mua bán doanh nghiệp tại Hoa Kỳ không phải được xây dựng ngay từ đầu mà đã trải qua hàng trăm năm bổ sung, cập nhật theo những thăng trầm của nền kinh tế. Sau mỗi một đợt sóng, một thương vụ có sức ảnh hưởng, hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ lại tìm cách điều chỉnh khung pháp lý sao hỗ trợ nhiều nhất hoạt động Mua bán doanh nghiệp diễn ra thật suôn sẻ. Tại Việt Nam, cho đến nay chúng ta đã học hỏi được từ Hoa Kỳ khá nhiều khi xây dựng được một bộ khung pháp lý cơ bản hoàn chỉnh cho hoạt động Mua bán doanh nghiệp. Việt Nam đã sửa đổi và ban hành mới nhiều bộ luật quan trọng như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh...

1.3.2.2. Kinh nghiệm từ Trung Quốc

Hoạt động Mua bán doanh nghiệp tại Trung Quốc phát triển bởi nhiều yếu tố thuận lợi xuất phát cả từ phía bản thân nền kinh tế Trung Quốc và các chính sách của chính phủ Trung Quốc. Về phía chính phủ Trung Quốc, hoạt động Mua bán doanh nghiệp cũng được tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi. Đặc biệt kể từ năm 2001 khi Trung Quốc chính thức gia nhập WTO, với những cam kết về lĩnh vực tài chính, bất động sản, cơ sở hạ tầng, là những lĩnh vực tiềm năng hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội cho hoạt động Mua bán doanh nghiệp phát triển. Một trong những điểm mấu chốt của cuộc cách mạng kinh tế tại Trung Quốc đó chính là chính sách cổ phần hóa SOE. Đây cũng là bài học sâu sắc cho Việt Nam trong giai đoạn tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để phát triển bền vững.

Tiểu kết Chương 1

Đối với nền kinh tế - xã hội, xét ở khía cạnh cạnh tranh thì mua bán doanh nghiệp là một hành vi tập trung kinh tế, là “cửa ngõ” dẫn đến việc hình thành các doanh nghiệp có sức mạnh thị trường và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cạnh tranh trên thị trường. Cuối những năm 1980, quy luật thị trường đã được áp dụng ở khắp mọi nơi. Tự do kinh doanh và tự do khế ước cùng với sự giục giã của quy luật giá trị và bản tính của con người nên các hoạt động hạn chế cạnh tranh đã xuất hiện, trong đó có mua bán doanh nghiệp diễn ra vô cùng nhanh chóng dẫn đến hình thành các doanh nghiệp độc quyền, gây ra sự phân chia không đồng đều giữa lợi ích tăng trưởng kinh tế và thực tế cạnh tranh đã bị bóp méo từ các tổ chức độc quyền này.

Chương 1 luận văn đã phân tích các khái niệm về mua bán doanh nghiệp; làm rõ một số nội dung đặc điểm mua bán doanh nghiệp, phân loại mua bán doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, luận văn đã phân tích lý luận về phân tích nguồn luật điều chỉnh và nội dung cơ bản của mua bán doanh nghiệp làm tiền đề cho Chương 2 nghiên cứu về thực trạng pháp luật và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

2.1.1. Quy định về chủ thể mua bán doanh nghiệp

2.1.1.1. Bên bán doanh nghiệp

Theo nguyên lý chung, ai là chủ sở hữu doanh nghiệp thì người đó có quyền quyết định bán doanh nghiệp. Tùy từng loại doanh nghiệp mà chủ sở hữu có thể là một cá nhân hoặc một pháp nhân hoặc nhiều cá nhân, tổ chức có tư cách pháp nhân.

Đối với doanh nghiệp thuộc sở hữu của một chủ thì chính chủ sở hữu đó có quyền quyết định bán doanh nghiệp, ví dụ: Nhà nước có quyền bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (là một tổ chức hoặc một cá nhân) có quyền quyết định bán công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân có quyền quyết định bán doanh nghiệp tư nhân.

Với công ty thuộc sở hữu của nhiều chủ như công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh, thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp thuộc về các thành viên, cổ đông công ty (gọi chung là các chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty bán công ty qua hình thức chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp. Bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp.

2.1.1.2. Bên mua doanh nghiệp

Một là, trường hợp mua doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, theo quy định tại Nghị định 128/2014/NĐ-CP thì bên mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp là tập thể người lao động trong doanh nghiệp, pháp nhân, nhóm người hoặc cá nhân mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp. Điều 4 Nghị định 128/2014/NĐ-CP quy định về đối tượng có quyền mua doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đối tượng có quyền mua doanh nghiệp, bao gồm:

a) Tập thể người lao động trong doanh nghiệp;
b) Cá nhân người lao động trong doanh nghiệp;
c) Các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, trừ tổ chức tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

d) Công dân Việt Nam có đủ năng lực hành vi dân sự, trừ những người không được thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, các cá nhân thuộc tổ chức tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp;

đ) Tổ chức kinh tế tài chính được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoạt động kinh doanh tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài, trừ tổ chức kinh tế tài chính và cá nhân thuộc tổ chức kinh tế tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp.

e) Nhóm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên kết với nhau để cùng mua doanh nghiệp.

2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điểm c và các đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật được xác định là

nhà đầu tư nước ngoài được tham gia cùng với các doanh nghiệp, công dân Việt Nam khác mua một phần của doanh nghiệp theo quy định sau:

a) Đối với doanh nghiệp được bán thuộc ngành nghề, lĩnh vực mà Việt Nam có cam kết quốc tế về quyền được góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp theo tỷ lệ không vượt quá mức cam kết quốc tế của Việt Nam;

b) Đối với các doanh nghiệp được bán thuộc các ngành nghề, lĩnh vực ngoài phạm vi cam kết quốc tế của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định của pháp luật về hạn chế tỷ lệ của nhà đầu tư nước ngoài tham gia ngành nghề, lĩnh vực đó.

c) Đối với doanh nghiệp được bán hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực; bao gồm một số ngành nghề, lĩnh vực có quy định khác nhau về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua doanh nghiệp không quá mức của ngành nghề, lĩnh vực có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài ở mức thấp nhất;

d) Ngoài các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp Việt Nam với tỷ lệ không hạn chế.

3. Đối tượng được nhận giao doanh nghiệp là tập thể người lao động trong doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định này.

4. Đối tượng được nhận chuyển giao doanh nghiệp là công ty mẹ có ngành nghề kinh doanh chính hoặc phụ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Điều lệ công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp được chuyển giao.

Trường hợp đặc biệt cần chuyển giao doanh nghiệp giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chuyển giao doanh nghiệp từ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty sang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2.1.2. Quy định về hợp đồng mua bán doanh nghiệp

2.1.2.1. Khái niệm hợp đồng mua bán doanh nghiệp

Để thực hiện việc mua bán doanh nghiệp, các bên phải kí với nhau một hợp đồng, gọi là hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Đối với việc mua bán doanh nghiệp, việc xác lập hợp đồng được xem là yếu tố rất quan trọng. Đây sẽ là cơ sở để bên bán, bên mua doanh nghiệp thiết lập các điều khoản để ràng buộc các cam kết, trách nhiệm pháp lý với nhau và với các cơ quan công quyền.

Hợp đồng mua bán doanh nghiệp là hình thức pháp lý ghi nhận nội dung quan hệ mua bán doanh nghiệp, có thể dưới dạng hợp đồng mua bán toàn bộ doanh nghiệp, hợp đồng mua bán một bộ phận doanh nghiệp hoặc hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần. Có thể hiểu hợp đồng mua bán doanh nghiệp là sự thể hiện và ghi nhận những cam kết của các bên đối với giao dịch mua bán doanh nghiệp. Nó không chỉ liên quan đến khía cạnh pháp lý mà là sự phối hợp một cách hài hòa các yếu tố có liên quan đến giao dịch mua bán doanh nghiệp khác như tài chính, kinh doanh ... chỉ khi kết hợp một cách hoàn chỉnh các yếu tố có liên quan thì hợp đồng mua bán mới thật sự là công cụ để bảo đảm quyền lợi cho các bên tham gia giao dịch.

Hiện nay, ở Việt Nam không có định nghĩa hợp đồng mua bán doanh nghiệp, nhưng dựa trên bản chất pháp lý của hợp đồng nói chung có thể đưa ra định nghĩa về hợp đồng mua bán doanh nghiệp như sau:

Hợp đồng mua bán doanh nghiệp là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ chuyển giao một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên bán.

a) Quyền và nghĩa vụ của bên bán doanh nghiệp

Thứ nhất, Bên bán doanh nghiệp có các quyền sau: i) Yêu cầu bên mua thanh toán đủ và đúng hạn số tiền mua doanh nghiệp mà các bên đã thỏa thuận; ii) Yêu cầu bên mua có trách nhiệm pháp lý với những khoản nợ phát sinh sau khi hoàn tất hợp đồng mua bán doanh nghiệp; iii) Yêu cầu bên mua tuân thủ quy định về việc bảo mật thông tin cho đến khi quá trình thực hiện hợp đồng mua bán được chấm dứt (quy định này nhằm tránh trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên không thỏa thuận được các vấn đề phát sinh dẫn đến hủy hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên mua sẽ sử dụng những thông tin này để gây bất lợi cho bên bán).

Thứ hai, Bên bán doanh nghiệp có các nghĩa vụ sau: i) Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin một cách chính xác và trung thực về công ty mục tiêu để bên mua xem xét và tiến tới giao dịch như thông tin về các khoản nợ, số lượng người lao động, danh sách cổ đông của công ty, danh sách khách hàng, các hợp đồng kinh tế hoặc dự án đang thực hiện...; ii) Tuyên bố và bảo đảm giúp bên mua biết được tình trạng pháp lý và hoạt động của công ty mục tiêu; iii) Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên mua hoặc bị phạt vi phạm (nếu có) trong trường hợp vi phạm cam kết trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp hoặc vi phạm pháp luật; iv) Phối hợp với bên mua doanh nghiệp giải quyết các vấn đề “hậu mua bán doanh nghiệp” như vấn đề về nhân sự, giải quyết những hợp đồng kinh tế đang được thực hiện với khách hàng đã ký kết trước khi bán doanh nghiệp, xử lý các vấn đề liên quan đến hợp đồng vay hoặc hợp đồng thế chấp của bên bán...; v) Phối hợp với bên mua doanh nghiệp giải quyết các vấn đề về quyền lợi của người lao động khi doanh nghiệp mua lại không sử dụng hết số lao động của doanh nghiệp bán.

b) Quyền và nghĩa vụ của bên mua doanh nghiệp

Thứ nhất, Bên mua doanh nghiệp có các quyền sau: i) Được quyền tiếp cận các thông tin liên quan đến công ty mục tiêu; ii) Có quyền khảo sát thực trạng doanh nghiệp; nghiên cứu hồ sơ, báo cáo tài chính, bảng kê tài sản, các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đất đai, các hợp đồng liên quan đến doanh nghiệp (trường hợp mua toàn bộ doanh nghiệp); iii) Yêu cầu thẩm định pháp lý để xác định tình trạng pháp lý của công ty mục tiêu, xác minh tài sản, các khoản nợ/trách nhiệm đối với các khoản nợ, nhận diện rủi ro pháp lý...; iv) Yêu cầu bên bán cam kết không cạnh tranh, không lôi kéo khách hàng, nhân viên cũng như cổ đông cũ của công ty mục tiêu; v) Sau khi mua công ty mục tiêu, bên mua có quyền lựa chọn hình thức pháp lý của doanh nghiệp; vi) Được kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ của doanh nghiệp đã được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp cũng như theo quy định của pháp luật và các hợp đồng liên quan đến việc mua bán doanh nghiệp đã ký kết; vii) Được yêu cầu bồi thường trong trường hợp bên bán vi phạm các cam kết trong hợp đồng.

Thứ hai, Bên mua doanh nghiệp có các nghĩa vụ sau: i) Có trách nhiệm thực hiện những cam kết trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật; ii) Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi mua lại doanh nghiệp; iii) Phải thực hiện các thủ tục đăng ký thuế tại cơ quan thuế để được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư số 80/2012/TT - BTC; iv) Tiếp nhận số lao động đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, đồng thời kế thừa các nghĩa vụ đối với người lao động

đã tiếp nhận; v) Chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động với người lao động, trong trường hợp không sử dụng hết số lao động hiện có thì phải có phương án sử dụng lao động hoặc phương án giải quyết theo quy định của pháp luật; vi) Có trách nhiệm giữ bí mật thông tin thu được từ việc khảo sát thực trạng và các tài liệu của doanh nghiệp; vii) Không được tiết lộ hoặc sử dụng những thông tin về doanh nghiệp mục tiêu với mục đích gây phương hại cho doanh nghiệp bên bán; viii) Hoàn trả các thông tin về doanh nghiệp mục tiêu nếu giao dịch giữa hai bên bị thất bại; ix) Có trách nhiệm pháp lý đối với các khoản nợ phát sinh sau khi hoàn tất hợp đồng; x) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế chuyên nhượng, nếu các bên thỏa thuận đây là nghĩa vụ của bên mua lại doanh nghiệp; xi) Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn tiền mua doanh nghiệp theo hợp đồng đã kí kết.

2.1.2.2. Các quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp

Trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp, việc xác định quyền và nghĩa vụ của các bên rất quan trọng. Nếu quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định cụ thể và rõ ràng thì hiệu quả của việc thực hiện hợp đồng càng cao. Việc quy định cá quyền và nghĩa vụ một cách rõ ràng còn làm cơ sở pháp lý vững chắc cho việc giải quyết các tranh chấp phát sinh. Vì vậy, các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của cả bên bán và bên mua cần được ghi rõ trong hợp đồng. Do chưa có quy định pháp luật nào về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp, vì vậy, căn cứ vào các quy định liên quan, về bản chất của hợp đồng và về thực tế diễn ra hoạt động mua bán doanh nghiệp, tác giả luận văn rút ra những quyền và nghĩa vụ của các bên như sau:

2.1.2.3. Hợp đồng mua bán doanh nghiệp vô hiệu

a) Hợp đồng mua bán doanh nghiệp vô hiệu do bị lừa dối

Theo quy định của pháp luật hiện hành, vấn đề vô hiệu của hợp đồng mua bán doanh nghiệp do bị lừa dối được điều chỉnh thông qua quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, quy định này chỉ được áp dụng chung đối với các quan hệ hợp đồng chứ không cụ thể từng trường hợp.

b) Hợp đồng mua bán doanh nghiệp vô hiệu do vi phạm quy định về đồng tiền thanh toán

Theo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mà Bộ luật Dân sự quy định thì việc thỏa thuận đồng tiền thanh toán trong giao dịch mua bán doanh nghiệp trái với các quy định có liên quan được coi là vi phạm điều cấm của pháp luật và dẫn đến sự vô hiệu của hợp đồng “Giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”¹. Vấn đề này hiện nay đang cần có sự thống nhất trong các văn bản pháp luật. Theo các quy định pháp luật hiện hành, việc thanh toán tiền mua cổ phần, tiền góp vốn đang được quy định không thống nhất và mâu thuẫn với nhau.

Theo khoản 13, Điều 4 và Điều 131 của Luật Doanh nghiệp 2020, tài sản góp vốn hoặc tiền mua cổ phần có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ... Trong khi đó, cũng quy định về vấn đề này, Điều 3, Thông tư số 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn về việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam lại quy định: “Mọi hoạt động đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.” Khoản 5, Điều 5, Nghị định số 128/2014/NĐ-CP về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn

¹ Điều 128, Bộ luật Dân sự 2015

nhà nước cũng quy định phương tiện thanh toán khi mua doanh nghiệp là tiền đồng Việt Nam. Như vậy, theo quy định này, nếu các giao dịch mua bán doanh nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam (trừ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) với nhau thì được tự do sử dụng các hình thức thanh toán theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, còn nếu bên mua là một nhà đầu tư nước ngoài hoặc bên bán là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì bắt buộc phải sử dụng đồng tiền Việt Nam trong giao dịch mua bán doanh nghiệp. Việc quy định bắt nhất này làm cho người mua và người bán là công ty ở ngoài Việt Nam thực hiện chuyển nhượng cổ phần trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn không đáng có.

c) Hợp đồng mua bán doanh nghiệp vô hiệu do vi phạm các quy định của pháp luật cạnh tranh

Khi kết hợp hai doanh nghiệp, nếu thị phần kết hợp vượt quá tỷ lệ do Luật Cạnh tranh quy định thì quan hệ hợp đồng này được xác định là vi phạm pháp luật cạnh tranh. Điều 18 Luật Cạnh tranh 2018 quy định: “Cấm tập trung kinh tế nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm trên 50% thị trường liên quan...”, trừ trường hợp sau khi tập trung kinh tế vẫn thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc một hay nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc phá sản hay tập trung kinh tế góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội. Theo quy định này, nếu một hợp đồng mua bán doanh nghiệp có thị phần kết hợp như trên được coi là vi phạm điều cấm, đồng thời các doanh nghiệp sẽ phải chịu các chế tài do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

2.1.3. Quy định về thủ tục mua bán doanh nghiệp

2.1.3.1. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng lại công ty TNHH MTV

*Thủ tục chuyển nhượng lại công ty TNHH MTV gồm 02 giai đoạn. Mỗi giai đoạn thì doanh nghiệp cần phải thực hiện những trình tự thủ tục như sau:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký kinh doanh

Bước 3: Phòng đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ và giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp

Bước 4: Doanh nghiệp nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Phòng đăng ký kinh doanh

***Chuyển nhượng vốn góp**

Những giấy tờ mà doanh nghiệp cần chuẩn bị để thực hiện thủ tục chuyển nhượng như sau:

- Thông báo, biên bản họp, quyết định về việc thay đổi;
- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp có chữ ký của các bên;
- Giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác định của công ty;
- Biên bản thanh lý hoàn thiện việc chuyển nhượng;

***Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp**

Khi thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cần phải chuẩn bị các giấy tờ sau:

***Trường hợp chuyển nhượng một phần “vốn góp”**

- 1) Giấy đề nghị Đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy đề nghị chuyển đổi doanh nghiệp;
- 2) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- 3) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- 4) Điều lệ công ty chuyển đổi;

- 5) Danh sách thành viên Công ty chuyển đổi;
 - 6) Bản sao hợp lệ CMND còn hiệu lực đối với cá nhân;
 - 7) Bản sao quyết định thành lập/Giấy chứng nhận ĐKKD/ĐKdoanh nghiệp đối với tổ chức. Kèm theo bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền;
 - 8) Quyết định ủy quyền tương ứng của tổ chức;
 - 9) Hợp đồng chuyển nhượng vốn và giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng.
- *Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ vốn góp*
- 1) Thông báo về thay đổi chủ sở hữu;
 - 2) Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng thực cá nhân hoặc pháp nhân còn hiệu lực của chủ sở hữu mới;
 - 3) Điều lệ sửa đổi công ty;
 - 4) Hợp đồng chuyển nhượng vốn;
 - 5) Các giấy tờ khác nếu có.

2.1.3.2. Thủ tục nhượng lại công ty TNHH hai thành viên trở lên

Căn cứ theo Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định như sau:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 51, khoản 6 và khoản 7 Điều 53 của Luật này, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

a) Chào bán phần vốn góp đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện chào bán;

b) Chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại quy định tại điểm a khoản này cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 48 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.

3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên công ty thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Về hồ sơ chuyển nhượng vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên bao gồm:

+ Thông báo thay đổi Thành viên góp vốn của công ty TNHH hai thành viên trở lên;

+ Quyết định và Biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển nhượng vốn góp;

+ Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp.

+ Các giấy tờ của bên nhận chuyển nhượng: Bản sao chứng thực cá nhân: chứng minh thư nhân dân/ thẻ căn cước công dân/ hộ chiếu còn hiệu lực.

Về thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên:

Bước 1: Nộp hồ sơ tại Phòng đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính.

Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ và giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp, trao giấy biên nhận và đăng kí thay đổi thành viên công ty.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

Thời gian giải quyết: 03 – 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

2.1.3.3. Thủ tục chuyển nhượng công ty Cổ phần

i) Các cổ đông bán cổ phần của mình cho các tổ chức, cá nhân khác;

ii) Các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần trừ các trường hợp:

– Bị hạn chế bởi điều lệ công ty, sự hạn chế này phải được ghi rõ trên cổ phiếu tương ứng với cổ phần;

– Cổ phần ưu đãi biểu quyết: cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được phép chuyển nhượng loại cổ phần này;

– Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập trong thời hạn 3 năm từ khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong thời hạn này, cổ đông sáng lập muốn chuyển nhượng cổ phần cho người khác, không phải đồng cổ đông sáng lập của công ty phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Người nhận cổ phần chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Các nội dung trên Quý khách hàng có thể tham khảo thêm tại các Điều 116, 119, 126, Luật Doanh nghiệp 2014.

Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, người mua và người bán cần làm thủ tục đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký kinh doanh. (Trường hợp tất cả các thành viên công ty chuyển nhượng cổ phần cho một cá nhân, hoặc một nhóm dưới 3 tổ chức, cá nhân thì cần làm thêm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp).

**Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật*

Việc đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập được thực hiện tại cơ quan Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm thay đổi cổ đông sáng lập với hồ sơ bao gồm:

– Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập;

– Danh sách thông tin của các cổ đông sáng lập khi đã thay đổi;

– Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét hồ sơ, nếu có thiếu sót thì phản hồi lại doanh nghiệp trong thời gian 3 ngày làm việc. Khi nhận thông báo và hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập của công ty trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật cũng được thực hiện tại cơ quan Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đăng ký, hồ sơ bao gồm:

– Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;

– Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

– Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty;

– Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

– Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh trả giấy biên nhận hồ sơ, xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

2.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

Quy định của Luật doanh nghiệp và Luật Đầu tư cũng còn chưa thống nhất và đồng bộ trong việc giải quyết cấp phép cho các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các công ty Việt Nam theo các cam kết của WTO. Theo quy định của Luật Đầu tư, một doanh nghiệp có vốn nước ngoài trên 49% thành lập ở Việt Nam được coi là doanh nghiệp nước ngoài và thực hiện các thủ tục đầu tư (trong đó có hoạt động mua bán doanh nghiệp) như một nhà đầu tư nước ngoài. Còn Luật doanh nghiệp chỉ quy định trình tự, thủ tục mua bán doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nói chung, không có sự phân biệt giữa các doanh nghiệp có bên nước ngoài tham gia.

Thứ nhất, những hạn chế về áp dụng quy định nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Bộ luật Lao động 2019 cũng như các văn bản liên quan không quy định về việc người sử dụng lao động có nghĩa vụ nộp phương án sử dụng lao động cho các cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Chính điều này đã và đang dẫn đến tình trạng người sử dụng lao động lợi dụng sơ hở của quy định pháp luật mà chỉ lập phương án sử dụng lao động mang tính chất hình thức.

Thứ hai, những hạn chế về áp dụng quy định bảo vệ quyền lợi người lao động bằng các thiết chế của cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Ở Việt Nam, Thanh tra Lao động được tổ chức theo mô hình chung, Thanh tra Lao động thực hiện tất cả những vấn đề liên quan đến Luật Lao động. Chính vì thế, Cơ quan thanh tra phải giải quyết khối lượng công việc rất lớn, tạo ra nhiều áp lực đối lực lượng thanh tra viên. Cơ chế thanh tra lao động chưa được phát huy, do số lượng thanh tra viên quá ít so với số doanh nghiệp cần thanh, kiểm tra. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ thanh tra chưa đáp ứng yêu cầu công việc và thiếu cán bộ thanh tra có kiến thức, am hiểu nhiều ngành nghề.

Thứ ba, những hạn chế về áp dụng quy định bảo vệ quyền lợi người lao động trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua tổ chức đại diện người lao động. Vẫn còn một số bất cập về quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 về tổ chức đại diện người lao động cần được làm rõ và khắc phục để đảm bảo hiệu quả thực thi trên thực tế:

Thứ tư, hạn chế về hiểu biết và trình độ.

Người lao động là yếu tố quan trọng nhất đối với sự tồn tại và phát triển của bất cứ doanh nghiệp hay bất cứ tổ chức nào. Tuy nhiên rất nhiều người lao động lại chưa ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình. Điều này một phần do người lao động còn bị hạn chế trong tiếp cận thông tin, và một phần là do nhiều lãnh đạo doanh nghiệp, tổ chức chưa biết cách truyền tải thông tin tới người lao động một cách đúng đắn. Nhiều doanh nghiệp chưa xem mua bán doanh nghiệp là công cụ để tái cấu trúc hay cạnh tranh nên không có sự chuẩn bị tốt, làm tăng tỷ lệ thất bại khi thực hiện. Theo First Asia Limited, có hơn 50% doanh nghiệp Việt Nam phải đóng cửa sau 6

năm hoạt động. Trong khi đó cũng hơn 50% các thương vụ mua bán doanh nghiệp thất bại².

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

2.2.1. Những kết quả đạt được

Năm 2019, tổng giá trị các thương vụ tập trung kinh tế (tập trung kinh tế) tại Việt Nam đạt 7,2 tỷ USD, bằng 94,7% so với năm 2018. Nhìn vào hoạt động tập trung kinh tế năm 2019, tuy giá trị giảm, nhưng vẫn có những yếu tố tích cực. Trong 6 tháng cuối năm 2019, nhiều thương vụ lớn với sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài và các tập đoàn trong nước đã xuất hiện. Điển hình là thương vụ hợp nhất, hoán đổi cổ phần giữa VinCommerce và VinEco với Masan Consumer (Masan Group), KEB Hana Bank (Hàn Quốc) mua lại 15% vốn điều lệ của BIDV...

Đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 bất ngờ lan rộng trên toàn cầu đã và đang tác động rất lớn đến kinh tế thế giới nói chung, cũng như hoạt động tập trung kinh tế nói riêng. Hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam cũng như trên toàn cầu trong giai đoạn nửa đầu năm 2020 đều giảm mạnh do các nhà đầu tư có những phản ứng thận trọng. Đồng thời, những điều kiện về giãn cách xã hội trên toàn cầu gây trở ngại cho việc tìm hiểu, đánh giá và ra quyết định tập trung kinh tế. Giá trị tập trung kinh tế tại Việt Nam năm 2020 tiếp tục suy giảm, đạt 3,5 tỷ USD (bằng 48,6% so với năm 2019).

Trong giai đoạn 2019-2020, có một số thương vụ tập trung kinh tế nổi bật, có giá trị giao dịch lớn, điển hình như thương vụ KEB Hana Bank mua lại một phần vốn điều lệ của BIDV với giá trị 878 triệu USD; KKR&Temasek mua lại cổ phần của Vinhomes với giá trị 652 triệu USD... hoặc có liên quan đến các tập đoàn lớn của Việt Nam, điển hình như Masan, Thaco, Gelex, Vinamilk...

Một số thương vụ tập trung kinh tế điển hình do doanh nghiệp Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2020 có liên quan đến các tập đoàn lớn như Masan, Vingroup, Vinamilk, Gelex, REE, Thaco, PAN Group... Bên cạnh các thương vụ thành công, nhiều kế hoạch tập trung kinh tế cũng được định hình và dự kiến được thực hiện trong thời gian tới như Kido Group lên kế hoạch sáp nhập các công ty thành viên, Thadi tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp...

Quá trình phát triển hoạt động mua bán doanh nghiệp và pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này ở Việt Nam có thể chia thành 3 giai đoạn sau:

- *Giai đoạn từ 1986 đến trước 2005*: Đây là giai đoạn sơ khai của mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam với thực tiễn ghi nhận rất ít thương vụ, trong khi còn thiếu khung pháp lý điều chỉnh hoạt động này. Theo đó chủ yếu là các công ty nước ngoài đầu tư vào doanh nghiệp thông qua liên doanh, liên kết (tiêu biểu là thương vụ Unilever mua hãng kem đánh răng P/S và Colgate Palmolive thôn tính kem đánh răng Dạ Lan).

- *Giai đoạn từ 2005 - 2013*: Là giai đoạn hình thành thị trường mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam với một làn sóng khá mạnh mẽ, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới năm 2007. Giai đoạn này đánh dấu cột mốc quan trọng với sự ra đời và có hiệu lực của các văn bản pháp lý quan trọng như: Luật Cạnh tranh năm 2004, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật Đầu tư năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2006... Những văn bản pháp lý này đã tạo ra khuôn khổ pháp lý cho việc mua bán, chuyển nhượng vốn góp. Trên cơ sở đó, hoạt động mua bán doanh nghiệp chính thức trở thành kênh thu hút vốn đầu tư nước ngoài khi liên tục chứng kiến các thương vụ mua bán doanh nghiệp giữa các công ty nước ngoài và công ty trong nước.

² Nguyễn Hồng Hiệp (2018). Thực trạng hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. <https://tapchitaichinh.vn/ngghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/thuc-trang-hoat-dong-mua-ban-sap-nhap-doanh-nghiep-tai-viet-nam-143068.html> truy cập ngày 29/12/2021.

Chỉ tính riêng các tập đoàn Nhật Bản trong giai đoạn 2011 - 2013 đã đóng góp đến 2,5 tỷ USD vào mua bán doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong 2 ngành hàng tiêu dùng và tài chính - ngân hàng.

- *Giai đoạn từ 2014 đến nay:* Năm 2014, chứng kiến sự phục hồi của mua bán doanh nghiệp sau khi sụt giảm hơn 50% giá trị vào năm 2013 và từng bước tăng trưởng nhanh chóng trong những năm tiếp theo. Khung pháp lý cho hoạt động này tiếp tục được cải thiện thông qua việc sửa đổi một số luật như: Luật Đầu tư năm 2014, Luật doanh nghiệp năm 2014, cùng với đó là việc ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, góp phần khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các doanh nghiệp nội.

2.2.2. Những tồn tại, vướng mắc

Thứ nhất, Việt Nam cần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để nhu cầu mua bán của các doanh nghiệp ngày càng tăng. Ngoài ra, cần tạo ra nhu cầu nội tại của thị trường, trong môi trường kinh doanh đó phải có sự cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp. Đó chính là động lực để doanh nghiệp vươn lên, phát triển cả chiều sâu, chiều rộng, và đương nhiên khi đó sẽ có doanh nghiệp tồn tại, phát triển, có doanh nghiệp bị phá sản, thôn tính...

Thứ hai, Việt Nam cần phải xây dựng được kênh kiểm soát thông tin, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh nói chung, hoạt động mua bán nói riêng. Bởi vì trong hoạt động mua bán doanh nghiệp, thông tin về giá cả, thương hiệu, thị trường, thị phần, quản trị... là rất cần thiết cho cả bên mua, bên bán. Nếu thông tin không được kiểm soát, minh bạch thì có thể gây nhiều thiệt hại cho cả bên mua, bên bán, đồng thời ảnh hưởng nhiều đến các thị trường khác như hàng hóa, chứng khoán, ngân hàng.

Thứ ba, thị trường mua bán là một thị trường cần sự tham gia, tham vấn của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu về các lĩnh vực khác nhau như luật pháp, tài chính, thương hiệu... do đó, cần có những chương trình đào tạo để có được đội ngũ chuyên gia tốt, những người môi giới, tư vấn cho cả bên mua, bên bán, đồng thời là người cung cấp thông tin tốt nhất về thị trường.

Thứ tư, Đối với việc áp dụng trực tiếp các cam kết WTO: Ngày 29/11/2006, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 71/2006/QH11 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập WTO của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị quyết này quy định một số cam kết được áp dụng trực tiếp, đồng thời, giao Chính phủ và các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội việc áp dụng trực tiếp các cam kết khác chưa được quy định tại Nghị quyết.

Thứ năm, Vướng mắc trong việc định giá doanh nghiệp: Giá là vấn đề tối cao trong một thương vụ mua bán doanh nghiệp, có tính quyết định lượng giá trị được chuyển giao của người bán để đổi lấy quyền sở hữu doanh nghiệp. Trong thương vụ mua bán doanh nghiệp, các bên đều rất chú trọng thỏa thuận về giá mua bán doanh nghiệp, vì đây là yếu tố quan trọng để quyết định liệu thương vụ có hoàn tất được hay không? Do đó, các bên mua bán doanh nghiệp phải sử dụng các phương pháp định giá tuân theo các nguyên tắc định giá nhất định và phù hợp với giá trị thị trường, đặc biệt là khi định giá đối với tài sản không thể hiện trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp, nhưng lại đem lại lợi ích kinh tế lớn cho doanh nghiệp, những tài sản vô hình như thương hiệu, hệ thống khách hàng...

Tiểu kết Chương 2

Việt Nam là thành viên của WTO cùng với nhiều rào cản được dỡ bỏ, đã tạo cơ hội cho các nhà đầu tư và các công ty đa quốc gia tăng cường hoạt động M&A tại Việt Nam. Các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường hàng hoá và dịch vụ trong khuôn khổ các hiệp định song phương, đa phương trong khu vực và thế giới thời gian gần đây cũng là những nhân tố tích cực góp phần thúc đẩy hoạt động mua bán doanh nghiệp này. Mặc dù, xu hướng mua bán doanh nghiệp đã hình thành và phát triển ở Việt Nam, tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài còn ngần ngại tham gia mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam bởi khung pháp lý còn chưa đầy đủ, nhiều vấn đề vướng mắc trong thực hiện các cam kết quốc tế về mua bán doanh nghiệp.

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng, hoạt động mua bán xuyên quốc gia ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Đánh giá về hoạt động mua bán xuyên quốc gia, làm rõ những vấn đề pháp lý cơ bản, phân tích bối cảnh lịch sử phát triển và thực tiễn hoạt động mua bán doanh nghiệp xuyên quốc gia tại Việt Nam hiện nay. Chương 2 Luận văn đã phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về mua bán doanh nghiệp, đánh giá thực trạng pháp luật về mua bán doanh nghiệp để rút ra được những kết quả đạt được, bất cập, tồn tại và nguyên nhân trong quá trình thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp. Từ đó, làm cơ sở để Chương 3 Luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

3.1.1. Xây dựng quan niệm thống nhất về mua bán doanh nghiệp

Để nhận thấy rằng, để hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán doanh nghiệp thì trước hết, hoạt động mua bán doanh nghiệp cần phải được quy định một cách rõ ràng, chặt chẽ. Vấn đề đầu tiên và quan trọng nhất làm cơ sở để xây dựng những quy định khác là phải có một quan niệm thống nhất về *mua bán doanh nghiệp*. Không thể ban hành một loạt các quy định điều chỉnh hợp đồng mua bán doanh nghiệp mà lại không có một định nghĩa thống nhất về *mua bán doanh nghiệp*.

Hiện nay, phần lớn những chủ thể quản lý và các bên tham gia hợp đồng mua bán doanh nghiệp vẫn chỉ hiểu thuật ngữ mua bán doanh nghiệp một cách gián tiếp thông qua nhiều khái niệm khác. Thiết nghĩ, các nhà làm luật cần nêu rõ định nghĩa thuật ngữ này và luật hóa nó thành một quy định cụ thể. Có như vậy mới tạo nên cách hiểu thống nhất, đồng thời có cơ sở pháp lý rõ ràng đối với từng tranh chấp phát sinh nhằm xác định xem đó có phải là tranh chấp từ hợp đồng mua bán doanh nghiệp hay không.

3.1.2. Xây dựng, ban hành văn bản pháp luật riêng về mua bán doanh nghiệp để điều chỉnh mối quan hệ trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

Việc xây dựng và ban hành một văn bản quy phạm pháp luật riêng về hợp đồng mua bán doanh nghiệp là cần thiết nhằm thống nhất các quy định pháp luật hiện hành và tạo tính chuyên sâu cho các quy định pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này. Văn bản này sẽ cụ thể hóa những vấn đề của hoạt động mua bán doanh nghiệp nói chung và của hợp đồng mua bán doanh nghiệp nói riêng. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

riêng quy định về hợp đồng mua bán doanh nghiệp không làm giảm đi hiệu lực của các văn bản pháp luật hiện hành mà chỉ làm các quy định này được cụ thể hơn và việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp phải trên cơ sở đổi mới tư duy quản lý nhà nước và đảm bảo sự công bằng, tiến bộ xã hội

Những đặc điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam đã được nghiên cứu ở nhiều công trình khoa học, tác giả luận án tập trung phân tích những đặc thù của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp đến mua bán doanh nghiệp, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

Lý luận và thực tiễn đã chứng minh cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường có bản chất khác với cơ chế quản lý trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ là nền kinh tế chỉ huy, quy luật giá trị hầu như chưa được tính đầy đủ, Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế vận hành theo các quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu; do vậy Nhà nước can thiệp bằng cách thức tạo hành lang pháp lý an toàn cho các nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Vì vậy, xây dựng nền kinh tế thị trường tất yếu phải xóa bỏ những tồn tại của cơ chế kế hoạch hóa tập trung để thị trường hoạt động theo đúng quy luật.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII (1991) đã khẳng định chủ trương hội nhập hội quốc tế của đất nước ta là “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế”. Nghị quyết Đại hội Đảng VIII (1996) đã quyết định “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa đất nước”. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “phát triển kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

3.2.1. Giải pháp chung

Thứ nhất, tính minh bạch của pháp luật về mua bán doanh nghiệp đòi hỏi việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải theo một trình tự rõ ràng, tạo cơ hội cho tất cả các thương nhân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được tham gia đóng góp ý kiến.

Thứ hai, tính thống nhất trong việc hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp theo nghĩa hẹp thể hiện giữa các quy phạm pháp luật và trong mỗi chế định pháp luật về mua bán doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh không mâu thuẫn, không trùng lặp, không chồng chéo.

3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể

3.2.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán doanh nghiệp.

Thị trường mua bán doanh nghiệp chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi khung khổ pháp lý được xây dựng đồng bộ; có sự giám sát, điều tiết hoạt động mua bán doanh nghiệp và phối hợp của cơ quan có thẩm quyền về quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước trên các khía cạnh liên quan đến mua bán doanh nghiệp gồm có: Hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh; Cục đăng ký sở hữu trí tuệ, Cục đăng ký sở hữu công nghiệp đối với các doanh nghiệp có liên quan; Cục quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công thương; Ủy ban chứng khoán nhà nước thuộc

Bộ Tài chính; Tổng cục thuế; Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động, môi trường, đất đai; Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với các doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực có liên quan như ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, viễn thông... Các cơ quan này phải có sự phối hợp với cơ quan quản lý cạnh tranh về kiểm soát tập trung kinh tế nói chung và kiểm soát mua bán doanh nghiệp nói riêng. Điều này tạo áp lực rất lớn cho các cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc một số cơ quan quản lý chuyên ngành vì:

3.2.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người lao động trong mua bán doanh nghiệp

Thứ nhất, giải pháp hoàn thiện quy định về quyền của người lao động.

Cần bổ sung quy định về “quyền của người lao động trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp” trong Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể là quy định quyền tiếp cận thông tin, quyền được thể hiện ý chí, ý kiến khi doanh nghiệp lập phương án sử dụng lao động,.. trong quy định về quyền của người lao động trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Tác giả nhận thấy, hiện nay chưa có quy định nào quy định về quyền của người lao động trong mua bán, sáp nhập. Chính vì vậy, việc bổ sung thêm quy định này là điều rất cần thiết.

Thứ hai, giải pháp hoàn thiện quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong mua bán, sáp nhập.

Bộ luật Lao động 2019 cũng như các văn bản liên quan cần quy định thêm về việc người sử dụng lao động có nghĩa vụ nộp phương án sử dụng lao động cho các cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Điều này giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý, kiểm soát tốt hơn hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Đồng thời, giúp bảo vệ người lao động khỏi rủi ro pháp lý, từ đó giúp quy định pháp luật đi vào thực tiễn. Người sử dụng lao động không còn lợi dụng sơ hở của quy định pháp luật mà lập phương án sử dụng lao động chỉ mang tính chất hình thức.

Thứ ba, giải pháp hoàn thiện quy định về phía cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Cụ thể là tăng mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định về lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người lao động trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, đồng thời áp dụng các biện pháp bổ sung. Việc này nhằm kịp thời đưa những quy định mới của pháp luật vào cuộc sống, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và kịp thời xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động.

Thứ tư, giải pháp hoàn thiện quy định về phía tổ chức đại diện người lao động.

Các quy định trong Bộ luật Lao động năm 2019 vẫn mang tính nguyên tắc, quy định chung về tổ chức của người lao động; điều kiện chung đối với việc thành lập tổ chức của người lao động tại cơ sở. Vì vậy, các quy định này vẫn cần được quy định chi tiết, cụ thể hơn trong các văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể về các vấn đề sau:

3.2.2.3. Xây dựng, thực hiện các văn bản pháp luật về mua bán doanh nghiệp mang tính hệ thống, đáp ứng các cam kết quốc tế.

a) Về các cam kết WTO với Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp

- Sử dụng thống nhất các khái niệm về mua bán, sáp nhập và tổ chức lại doanh nghiệp trong các văn bản pháp luật. Việc này có thể được xử lý ở từng văn bản khi tiến hành sửa đổi bổ sung văn bản đó, hoặc dùng kỹ thuật một luật sửa nhiều luật như đã từng sử dụng trong quá trình cải cách thủ tục hành chính. Hoặc có thể ban hành một

đạo luật riêng về mua bán doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc thực hiện thống nhất đối với các loại hình doanh nghiệp.

- Hướng dẫn về “công ty cùng loại” theo Luật doanh nghiệp. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, sáp nhập và hợp nhất chỉ áp dụng đối với các công ty cùng loại. Tuy nhiên, Luật này và các văn bản hướng dẫn không xác định tiêu chí để được coi là “công ty cùng loại”.

b) Về các vướng mắc trong Luật Cạnh tranh

- Ban hành văn bản hướng dẫn Luật Cạnh tranh, trong đó quy định rõ thế nào là “Thị trường liên quan” để có thể xác định một hoạt động mua bán doanh nghiệp có thuộc trường hợp tập trung kinh tế hay không. Văn bản hướng dẫn này có thể được thể hiện dưới hình thức Nghị định của Chính phủ hoặc Thông tư hướng dẫn của Bộ Công Thương.

- Xác định rõ khái niệm nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng một danh sách thống nhất và duy nhất về các ngành/lĩnh vực có hạn chế về tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài hoặc các điều kiện đầu tư khác.

- Đề xuất nguyên tắc xử lý các trường hợp nhà đầu tư của các nước không thuộc WTO, theo hướng không hạn chế nếu pháp luật không có quy định hạn chế, nhưng không thuận lợi hơn chế độ đối xử dành cho nhà đầu tư của các nước thành viên WTO.

- Về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện với nhà đầu tư nước ngoài cần được xử lý ở một văn bản riêng hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư sửa đổi.

c) Về việc định giá doanh nghiệp

Việt Nam cần có văn bản hướng dẫn thống nhất việc định giá doanh nghiệp phục vụ cho quá trình mua bán doanh nghiệp, tránh tình trạng tự thỏa thuận về giá trị doanh nghiệp như thời điểm hiện nay. Quy định về định giá doanh nghiệp phải đảm bảo xác định được đúng giá trị doanh nghiệp trên cơ sở tài sản nợ và tài sản có, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp. Làm được như vậy sẽ đảm bảo được tính minh bạch của thị trường mua bán doanh nghiệp, tránh sự lạm quyền của các nhà quản lý, điều hành doanh nghiệp tham gia mua bán doanh nghiệp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam

Thứ nhất, thúc đẩy hoạt động mua bán các doanh nghiệp ở Việt Nam.

Xu hướng mua bán của các doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới được dự đoán sẽ rất sôi động. Một môi trường kinh tế - chính trị - xã hội ổn định và một môi trường pháp lý đồng bộ, lành mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động Mua bán doanh nghiệp nói riêng phát triển bền vững. Hiện nay, các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động mua lại và sáp nhập dành cho các doanh nghiệp chưa rõ ràng, vì thế quá trình thực hiện thương vụ mua lại và sáp nhập diễn ra gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, tiến hành đồng bộ các bước giao dịch nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động mua bán.

Hoạt động mua bán doanh nghiệp chỉ mang lại hiệu quả nếu được thực hiện có kế hoạch và trình tự rõ ràng, dưới sự kiểm soát và quản lý bao quát của các nhà quản lý. Trước khi quyết định thực hiện mua bán, một doanh nghiệp khác doanh nghiệp cần phải xác định được phương thức, chiến lược sáp nhập phù hợp và có lợi nhất cho mình. Doanh nghiệp có thể mua bán để tăng vốn, mở rộng hoạt động sản xuất kinh

doanh, cũng có thể giảm đôi thủ cạnh tranh khi tiến hành sáp nhập các doanh nghiệp cùng ngành,...

Thứ ba, tăng cường kiểm soát thông tin và tính minh bạch của thông tin.

Trong bất cứ hoạt động kinh doanh nào, kể cả trong lĩnh vực mua bán doanh nghiệp, doanh nghiệp đều cần được xây dựng kênh kiểm soát thông tin và tính minh bạch cụ thể. Bởi trong hoạt động mua bán các thông tin về thị trường giá cả, thương hiệu, thị phần, quản trị là rất cần thiết cho cả hai bên đối tượng. Nếu thông tin không chính xác thì có thể gây nhiều thiệt hại cho cả bên mua và bên bán, đồng thời ảnh hưởng đến các thị trường khác.

Thứ tư, phát triển các tổ chức tư vấn mua bán doanh nghiệp.

Nguyên tắc thực hiện các giao dịch mua bán doanh nghiệp là dựa trên sự thỏa thuận đồng ý của hai bên đối tác và có người trợ giúp của công ty tư vấn.

Tiểu kết Chương 3

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và quy luật cạnh tranh, đào thải tất yếu của nền kinh tế thị trường, mua bán doanh nghiệp xuyên quốc gia trên thực tiễn thị trường Việt Nam không còn là vấn đề quá mới mẻ. Tuy nhiên, do những khoảng trống pháp lý trong nước cùng sự hạn chế trong nhận thức của các doanh nghiệp nên môi trường mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn cần được tiếp tục quan tâm, định hướng phát triển một cách lành mạnh hơn nữa, nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ các bên tham gia tuân thủ theo quy định của pháp luật. Để đạt được mục tiêu này, việc đặt ra yêu cầu nghiên cứu về mua bán doanh nghiệp xuyên quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tham gia hiệu quả mua bán doanh nghiệp trong môi trường thương mại quốc tế thông qua các khuyến nghị và lưu ý là rất cần thiết, không chỉ có ý nghĩa về lý luận khoa học mà còn có giá trị thực tiễn lâu dài.

Chương 3 luận văn đã phân tích định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN

Mua bán doanh nghiệp là một trong những hình thức đầu tư trực tiếp theo pháp luật của Việt Nam. Hành vi mua bán doanh nghiệp là một hình thức tập trung kinh tế theo pháp luật cạnh tranh. Việc mua bán doanh nghiệp có nhiều vấn đề cần được giải quyết nên hầu hết các giao dịch của hoạt động này đều được tiến hành dưới hình thức một hợp đồng bằng văn bản. Tính chất phức tạp của hợp đồng mua bán doanh nghiệp không chỉ liên quan đến các vấn đề mà hai bên cùng giải quyết về việc định giá doanh nghiệp, thương hiệu, hệ thống khách hàng... mà còn giải quyết những vấn đề sau khi quyền sở hữu doanh nghiệp được chuyển giao cho bên mua.

Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán doanh nghiệp đang bộc lộ nhiều bất cập như chưa có quy định cụ thể về chủ thể có quyền mua doanh nghiệp không thuộc sở hữu 100% vốn của nhà nước; điều kiện để hợp đồng có hiệu lực liên quan đến tiêu chí về kiểm soát mua bán doanh nghiệp còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Thực trạng đó đã ảnh hưởng xấu đến việc phát triển hoạt động mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam và đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện pháp luật về mua bán doanh nghiệp.

Pháp luật về mua bán doanh nghiệp nói chung và pháp luật về hợp đồng mua bán doanh nghiệp nói riêng cần phải được xây dựng và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán doanh nghiệp phải đảm bảo quyền lợi chính đáng và tôn trọng những thỏa thuận hợp pháp của các bên. Tác giả luận văn đã đề xuất một số nguyên tắc cũng như phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Nếu thực hiện được những đề xuất này, chắc chắn trong tương lai, hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp ở Việt Nam sẽ ngày càng phát triển và thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với khung pháp lý về mua bán doanh nghiệp hoàn chỉnh, tỷ lệ thành công của các hợp đồng mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam sẽ ngày càng gia tăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Vân Anh, (2009), *Hợp đồng mua bán doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật - Trường ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 2. Trần Quỳnh Anh (2012), Khái quát pháp luật Cộng hòa Liên bang Đức về hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, (số 9), Trường Đại học Luật Hà Nội.
 3. Trần Thị Bảo Ánh (2008), Thực trạng pháp luật Việt Nam về mua bán doanh nghiệp, *Tạp chí Luật học*, số 5, tr. 3 - 8.
 4. Trần Thị Bảo Ánh (2011), Bất cập của pháp luật hiện hành về mua bán doanh nghiệp tại Việt Nam và giải pháp hoàn thiện, *Tạp chí Luật học*, số 6, tr. 3 - 8, 37.
 5. Trần Thị Bảo Ánh, (2014), *Pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
 6. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2008), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 7. Andrew J.Sherman, Milledge A. Hart (2009), *Mua lại và sáp nhập từ A đến Z*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
 8. Nguyễn Thị Dung (Chủ biên) (2012), *Kiến thức pháp lý và kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng trong lĩnh vực thương mại: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho các nhà kinh doanh, học viên và sinh viên học tập và nghiên cứu*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
 9. Vũ Ngọc Dũng (2012), Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp - Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 3, tr. 38 - 44.
 10. Denzil Rankine - Peter Howson (2007), *Mua bán doanh nghiệp - Những bước đường thành công*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 11. Vũ Phương Đông, (2010), *Pháp luật về mua bán công ty ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường ĐH Luật Hà Nội, Hà Nội.
 12. Đặng Văn Đước (2006), *Hướng dẫn pháp luật hợp đồng thương mại*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội.
 13. Bùi Thanh Lam (2008), Điều kiện xây dựng, phát triển thị trường mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam, *Tạp chí Luật học*, số 4, tr. 15-22.
 14. Phạm Thanh Phần (1998), Nguyễn Huy Anh, *Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại*, Nxb. Thông kê, Hà Nội.
 15. Lê Bích Thọ (2004), *Hợp đồng kinh tế vô hiệu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 16. Tập thể tác giả (2006), *Giáo trình Luật Thương mại. Tập 1*, Trường ĐH Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 17. Tập thể tác giả (2006), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam. Tập 1*,
 18. Tập thể tác giả (2012), *Giáo trình Một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo*, Trường ĐH Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
- Các bài viết từ các website:**
19. “Hợp đồng mua bán doanh nghiệp và sáp nhập doanh nghiệp” - Truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://bandoanhnghiep.net/hop-dong-mua-ban-va-sap-nhap-doanh-nghiep.htm>
 20. Theo Saga (2014), “Bàn về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp” - Truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://sanduan.vn/help.php?self=detail&id=129>

21. ThS Nguyễn Mai Phương (2009), “Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp ở Việt Nam: Nhìn từ bên mua và bên bán” - Truy cập ngày 20/9/2021 <http://www.luatviet.org/Home/nghien-cuu-trao-doi/kinh-te-thuong-mai/2009/8719/Mua-ban-sap-nhap-doanh-nghiep-o-Viet-Nam-Nhin-tu-ben.aspx>
22. “Mua bán và sáp nhập” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: http://vi.wikipedia.org/wiki/Mua_b%C3%A1n_v%C3%A0_s%C3%A1p_nh%E1%BA%ADp
23. Trần Vinh Dự (2012), “Mua bán doanh nghiệp sao gọi là thôn tính” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://www.voatiengviet.com/content/mua-ban-doanh-nghiep-sao-goi-la-thon-tinh2/1498051.html>
24. “Mua bán sáp nhập doanh nghiệp ở Việt Nam - Phân tích và bình luận” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://luathoc.cafeluat.com/showthread.php/19536-Mua-ban-sap-nhap-doanh-nghiep-o-Viet-Nam-phan-tich-va-binh-luan.aspx>
25. “Mua bán và sáp nhập - Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://www.baomoi.com/Mua-ban-va-sap-nhap-Co-hoi-cho-doanh-nghiep-Viet-Nam/126/9365634.epi>
26. T.H (2007), “Kiểm soát hoạt động mua bán doanh nghiệp còn bỏ ngõ” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://vietbao.vn/Kinh-te/Kiem-soat-hoat-dong-mua-ban-doanh-nghiep-con-bo-ngo/65092162/87/>
27. “FDI và mua bán ở Việt Nam” - truy cập ngày 2/4/2015 tại địa chỉ: <http://tinnhanhchungkhoan.vn/charts/noidung.php?nid=4137>
28. “Khung pháp lý điều tiết sáp nhập, mua lại doanh nghiệp ở Việt Nam” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/khung-phap-ly-dieu-tiet-sap-nhap-mua-lai-doanh-nghiep-o-viet-nam.533983.html>
29. “Làn sóng mạnh mẽ của hoạt động mua bán” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://www.khoinghiiep.info/maa/kien-thuc/1130-lan-song-manh-me-cua-hoat-dong-mua-ban-va-sap-nhap.html>
31. Anh Hoa (2014), “Nhìn lại các thương vụ mua bán nổi bật năm 2014 tại Việt Nam” - truy cập ngày 20/9/2021 tại địa chỉ: <http://tinnhanhchungkhoan.vn/thuong-truong/nhin-lai-cac-thuong-vu-ma-noi-bat-nam-2014-tai-viet-nam-107539.html>